

Số/No.: 26.06.047.NCS.03.26.2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 26/05/2026 Trang/Page: 1/3
-------------------------------	---	--

- Tên khách hàng
Customer: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION – NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)
- Địa chỉ
Address: Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp.HCM
Provincial Road 44, Long Dien Commune, HCMC
- Địa điểm lấy mẫu
Sampling location: Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (PW1.2) lấy tại vị trí điểm xả thải
Treated oily wastewater (PW1.2) is taken at the discharge point
- Loại mẫu / *Sample type*: Mẫu nước thải công nghiệp (PW) / *Industrial wastewater (PW) sample*
- Số lượng mẫu / *Quantity of samples*: 01 mẫu / *01 sample*
- Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu không màu / *sample is colorless.*
- Phương pháp phân tích / *Test method*: Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*
- Ngày lấy mẫu / *Sampling date*: 19/05/2026
- Ngày nhận mẫu / *Receiving date*: 19/05/2026
- Ngày trả kết quả / *Reporting date*: 26/05/2026
- Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả / Result	Phương pháp phân tích Test method
			PW1.2	
1.	pH	-	7,55	SMEWW 4500H ⁺ :2023
2.	Nhiệt độ Temperature	°C	30,6	SMEWW 2550B:2023
3.	Độ màu Colour	Pt-Co	KPH (MDL=5)	SMEWW 2120C:2023
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) Total Suspended Solids (TSS)	mg/L	30	SMEWW 2540D:2023

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)



PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)



BUI HỒNG DIỄM

Số/No.: 26.06.047.NCS.03.26.2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 26/05/2026 Trang/Page: 2/3
-------------------------------	---	--

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả / Result	Phương pháp phân tích Test method
			PW1.2	
5.	Tổng N Total Nitrogen	mg/L	1,21	SMEWW 4500-N.C:2023
6.	Tổng P Total Phosphorus	mg/L	KPH (MQL=0,06)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7.	N-NH ₄ ⁺ Ammonium (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	KPH (MQL=0,06)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Tổng Phenol Total Phenol	mg/L	KPH (MDL=0,003)	SMEWW 5530B&C:2023
9.	Florua (F ⁻) Fluoride	mg/L	KPH (MQL=0,3)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023
10.	Xyanua (CN ⁻) Cyanide	mg/L	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023
11.	Tổng dầu mỡ khoáng Total mineral Oil and Grease	mg/L	KPH (MDL=1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
12.	Clo dư Excess Chlorine	mg/L	KPH (MDL=0,05)	SMEWW 4500-Cl.G:2023
13.	Sulfua (S ²⁻) Sulfide	mg/L	KPH (MDL=0,03)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
14.	Đồng (Cu) Copper (Cu)	mg/L	KPH (MQL=0,02)	SMEWW 3120B:2023
15.	Chì (Pb) Lead (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	SMEWW 3113B:2023
16.	Kẽm (Zn) Zinc (Zn)	mg/L	0,235	SMEWW 3120B:2023
17.	Cadimi (Cd) Cadmium (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	SMEWW 3113B:2023
18.	Niken (Ni) Nickel (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	SMEWW 3120B:2023
19.	Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	mg/L	KPH (MDL=0,006)	SMEWW 3500-Cr.B:2023 SMEWW 3120B:2023
20.	Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium IV	mg/L	KPH (MDL=0,002)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
21.	Tổng sắt (Fe) Total iron (Fe)	mg/L	0,391	SMEWW 3120B:2023

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)



PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)



BUI HỒNG DIỄM

Số/No.: 26.06.047.NCS.03.26.2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 26/05/2026 Trang/Page: 3/3
-------------------------------	---	--

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả / Result	Phương pháp phân tích Test method
			PW1.2	
22.	Thủy ngân (Hg) Mercury (Hg)	mg/L	KPH (MQL=0,0007)	SMEWW 3112B:2023
23.	Asen (As) Arsenic (As)	mg/L	KPH (MQL=0,004)	SMEWW 3114B:2023
24.	Mangan (Mn) Manganese (Mn)	mg/L	KPH (MQL=0,04)	SMEWW 3120B:2023
25.	Coliform	MPN/100mL	4,9 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú / Notes: KPH: Không phát hiện / Not detected; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit; MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit; "-": Không phân tích / Not analyzed.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)



PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)



BUI HỒNG DIỄM

Số/No.: 26.06.046.NCS.03.26.2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 26/05/2026 Trang/Page: 1/1
-------------------------------	---	--

- Tên khách hàng / Customer : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION – NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)
- Địa chỉ / Address : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp.HCM
Provincial Road 44, Long Dien Commune, HCMC
- Địa điểm lấy mẫu / Sampling location : Nước thải nhiễm dầu trước khi xử lý (PW1.1) và Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (PW1.2)
Oily wastewater (PW1.1) and treated oily wastewater (PW1.2)
- Loại mẫu / Sample type : Mẫu nước thải công nghiệp (PW) / Industrial wastewater (PW) sample
- Số lượng mẫu / Quantity of samples : 02 mẫu (PW1.1 và PW1.2) / 02 samples (PW1.1 and PW1.2)
- Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu PW1.1 đục có cặn; Mẫu PW1.2 không màu / PW1.1 sample is turbid with sediment; PW1.2 sample is colorless.
- Phương pháp phân tích / Test method : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / See in the Table
- Ngày lấy mẫu / Sampling date : 19/05/2026
- Ngày nhận mẫu / Receiving date : 19/05/2026
- Ngày trả kết quả / Reporting date : 26/05/2026
- Kết quả thử nghiệm / Test results : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / See in the Table

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả / Result		Phương pháp phân tích Test method
			PW1.1	PW1.2	
1.	Tổng N Total Nitrogen	mg/L	1,67	1,21	SMEWW 4500-N.C:2023
2.	COD Chemical Oxygen Demand	mg/L	88	76	SMEWW 5220D:2023

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)



PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)



BUI HỒNG DIỄM

Số/No.: 26.06.053.NCS.03.26.2a	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 02/06/2026 Trang/Page: 1/1
--------------------------------	---	--

- Tên khách hàng / Customer : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ống KHÍ NAM CÔN SƠN
BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION – NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)
- Địa chỉ / Address : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp.HCM
Provincial Road 44, Long Dien Commune, HCMC
- Địa điểm lấy mẫu / Sampling location : Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (PW1.2) lấy tại vị trí điểm xả thải
Treated oily wastewater (PW1.2) is taken at the discharge point
- Loại mẫu / Sample type : Mẫu nước thải công nghiệp (PW) / Industrial wastewater (PW) sample
- Số lượng mẫu / Quantity of samples : 01 mẫu / 01 sample
- Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu không màu / sample is colorless.
- Phương pháp phân tích / Test method : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / See in the Table
- Ngày lấy mẫu / Sampling date : 27/05/2026
- Ngày nhận mẫu / Receiving date : 27/05/2026
- Ngày trả kết quả / Reporting date : 02/06/2026
- Kết quả thử nghiệm / Test results : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / See in the Table

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả / Result	Phương pháp phân tích Test method
			PW1.2	
1.	BOD ₅ Biochemical Oxygen Demand	mg/L	29	SMEWW 5210B:2023

Ghi chú / Notes: KPH: Không phát hiện / Not detected; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit; MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit; "-": Không phân tích / Not analyzed.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)



PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)



BÙI HỒNG DIỄM